

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B16QTH_ TRỪ KINH TẾ
TÊN HỌC PHẦN: TIẾP THỊ CĂN BẢN
MÃ HỌC PHẦN : MKT - 251

ĐỢT HỌC 4
TÍN CHỈ 3
LẦN THI 1

Ngày thi: 30/10/2011

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10			25				55	100		
1	142337559	Đoàn Thị Ngọc	Yến	B16QTH1	4		0		0				HP	0.0	Khăng		
2	152337730	Hồ Công	Tài	B16QTH1	2		7		9				7.1	7.1	Báý pháy Mắti		
3	162330654	Bùi Tuấn	Anh	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
4	162330659	Phạm Thị Vân	Anh	B16QTH1	8		8		7.5				6	6.8	Saũ pháy Tầm		
5	162330662	Nguyễn Thành	Bi	B16QTH1	3		0		7				5.8	5.2	Nằm pháy Hai		
6	162330663	Nguyễn Thị Thanh	Bình	B16QTH1	5		6		7				5.6	5.9	Nằm pháy Chên		
7	162330664	Nguyễn Văn	Bình	B16QTH1	10		6.5		9				5.7	7.0	Báý		
8	162330666	Võ Hoàng Thái	Bình	B16QTH1	5.5		7		9				6.8	7.2	Báý pháy Hai		
9	162330667	Nguyễn Thị	Bông	B16QTH1	8.5		6		7				5.5	6.2	Saũ pháy Hai		
10	162330668	Nguyễn Thị Vũ	Cẩm	B16QTH1	9		8		7.5				6.3	7.0	Báý		
11	162330669	Huỳnh Lê Bảo	Châu	B16QTH1	7		8		8.5				6.7	7.3	Báý pháy Ba		
12	162330673	Nguyễn Thành	Chung	B16QTH1	7		7.5		7				6	6.5	Saũ pháy Nằm		
13	162330676	Trương Văn	Cường	B16QTH1	8.5		6		7.5				5.7	6.5	Saũ pháy Nằm		
14	162330677	Nguyễn Thị	Diễm	B16QTH1	10		9.5		7				5.5	6.7	Saũ pháy Báý		
15	162330690	Trần Thị	Dương	B16QTH1	7		7		7.5				6.9	7.1	Báý pháy Mắti		
16	162330693	Nguyễn Quốc	Đạt	B16QTH1	7.5		6		7.5				6.9	7.0	Báý		
17	162330699	Thái Văn	Đức	B16QTH1	7		0		6				6.4	5.7	Nằm pháy Báý		
18	162330707	Nguyễn Thị	Hải	B16QTH1	10		10		7				7.4	7.8	Báý pháy Tầm		
19	162330711	Bùi Thị Kim	Hằng	B16QTH1	4		6		8.5				4.3	5.5	Nằm pháy Nằm		
20	162330713	Phạm Tiên	Hằng	B16QTH1	9		9		8				7	7.7	Báý pháy Báý		
21	162330717	Võ Đức	Hiếu	B16QTH1	5.5		8.5		7.5				6.7	7.0	Báý		
22	162330720	Lê Minh	Hòa	B16QTH1	4.5		7		7				7.1	6.8	Saũ pháy Tầm		
23	162330721	Nguyễn Văn	Hòa	B16QTH1	2.5		5		0				5.6	3.8	Ba pháy Tầm		
24	162330722	Phan Thị	Hòa	B16QTH1	7.5		7.5		9				7.6	7.9	Báý pháy Chên		
25	162330726	Trần Khải	Hoàn	B16QTH1	8		7		8.5				6.7	7.3	Báý pháy Ba		
26	162330728	Lê Xuân	Hoàng	B16QTH1	6		7		9				7.2	7.5	Báý pháy Nằm		
27	162330730	Trương	Hoàng	B16QTH1	4		8.5		7.5				7.1	7.0	Báý		
28	162330732	Lê Thị Ánh	Hồng	B16QTH1	10		10		8				8.2	8.5	Tầm pháy Nằm		
29	162330735	Nguyễn Hữu	Hùng	B16QTH1	6.5		7		7.5				5.3	6.1	Saũ pháy Mắti		
30	162330741	Đặng Ngọc	Khánh	B16QTH1	6.5		7		8.5				6.6	7.1	Báý pháy Mắti		
31	162330744	Lê Minh	Khánh	B16QTH1	4.5		7		7.5				5	5.8	Nằm pháy Tầm		
32	162330747	Trần Anh	Khoa	B16QTH1	9		7		7.5				7	7.3	Báý pháy Ba		
33	162330748	Nguyễn Thị Kim	Khuyên	B16QTH1	4		8		9				6.6	7.1	Báý pháy Mắti		
34	162330758	Nguyễn Văn	Liêm	B16QTH1	1.5		0		7.5				5.1	4.8	Bấ pháy Tầm		
35	162330760	Kiều Nguyễn Hoài	Linh	B16QTH1	4.5		8		9				6.6	7.1	Báý pháy Mắti		
36	162330761	Ngô Lê Khánh	Linh	B16QTH1	5.5		8		9				5.8	6.8	Saũ pháy Tầm		
37	162330764	Đoàn Thị Ngọc	Loan	B16QTH1	10		10		9				6.5	7.8	Báý pháy Tầm		
38	162330769	Nguyễn Thị Kiều	Ly	B16QTH1	10		9		9				6.4	7.7	Báý pháy Báý		
39	162330776	Lê Thị Hồng	Minh	B16QTH1	5		7		9				5.5	6.5	Saũ pháy Nằm		
40	162330779	Lê Thị Tiểu	My	B16QTH1	10		8.5		9				7.3	8.1	Tầm pháy Mắti		

Ngày thi: 30/10/2011

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
41	162330781	Lê Thị Ngọc	Na	B16QTH1	8		8.5		7			7	7.3	Báý pháỷ Ba			
42	162330791	Trương Tuấn	Nghĩa	B16QTH1	4.5		7		9			6.9	7.2	Báý pháỷ Hai			
43	162330794	Lê Thị	Ngọc	B16QTH1	4.5		8		9			HP	0.0	Khăng			
44	162330795	Phạm Thị Bích	Ngọc	B16QTH1	7		7.5		7.5			6.7	7.0	Báý			
45	162330796	Phùng Bảo	Ngọc	B16QTH1	8		8		8.5			7.9	8.1	Tẫm pháỷ Mẫi			
46	162330798	Trần Văn	Ngôn	B16QTH1	8		8		9			7.1	7.8	Báý pháỷ Tẫm			
47	162330801	Đặng Minh	Nhật	B16QTH1	6		7		7			5.7	6.2	Sẫu pháỷ Hai			
48	162330802	Tôn Nữ Xuân	Nhi	B16QTH1	10		10		8			8	8.4	Tẫm pháỷ Bẫu			
49	162330803	Nguyễn Thị	Nhung	B16QTH1	7		8		9			8	8.2	Tẫm pháỷ Hai			
50	162330804	Hoàng Đình	Ninh	B16QTH1	1		0		7			4	4.1	Bẫu pháỷ Mẫi			
51	162330811	Nguyễn Lê	Phước	B16QTH1	7.5		9		7.5			5.7	6.7	Sẫu pháỷ Báý			
52	162330814	Nguyễn Thị Hoài	Phương	B16QTH1	5.5		7		7.5			4.9	5.8	Nẫm pháỷ Tẫm			
53	162330816	Phạm Hồng	Phương	B16QTH1	0		0		0			HP	0.0	Khăng			
54	162330818	Trần Thị Thu	Phương	B16QTH1	8		8		7			4.1	5.6	Nẫm pháỷ Sẫu			
55	162330820	Nguyễn Văn	Quang	B16QTH1	9.5		7		9			4.7	6.5	Sẫu pháỷ Nẫm			
56	162330821	Trần Đặng Lê	Quang	B16QTH1	0		0		0			HP	0.0	Khăng			
57	162330822	Trần Đình	Quang	B16QTH1	4.5		8		7			6.7	6.7	Sẫu pháỷ Báý			
58	162330827	Võ Thành	Quý	B16QTH1	6.5		7.5		9			5.6	6.7	Sẫu pháỷ Báý			
59	162330828	Hoàng Thị Mỹ	Quyên	B16QTH1	9		8		7			5.9	6.7	Sẫu pháỷ Báý			
60	162330833	Nguyễn Đình Cao	Sang	B16QTH1	7		10		8			7.8	8.0	Tẫm			
61	162330834	Tôn Long	Sang	B16QTH1	2		7		7			7.3	6.7	Sẫu pháỷ Báý			
62	162330835	Huỳnh Văn	Sanh	B16QTH1	7.5		8		8			6.6	7.2	Báý pháỷ Hai			
63	162330836	Trương Quang	Sanh	B16QTH1	5.5		6.5		8			7.3	7.2	Báý pháỷ Hai			
64	162330838	Lê Chí	Tâm	B16QTH1	3.5		5.5		8			6.5	6.5	Sẫu pháỷ Nẫm			
65	162330839	Phan Thị	Tâm	B16QTH1	4.5		7		7.5			7.5	7.2	Báý pháỷ Hai			
66	162330842	Trương Đình	Tân	B16QTH1	5		7		7.5			5.7	6.2	Sẫu pháỷ Hai			
67	162330847	Trịnh Công	Thanh	B16QTH1	3.5		0		7			HP	0.0	Khăng			
68	162330871	Phan Thị Bích	Thuận	B16QTH1	8		7.5		7			5.8	6.5	Sẫu pháỷ Nẫm			
69	162330872	Dương Thị Thu	Thùy	B16QTH1	10		10		10			7.6	8.7	Tẫm pháỷ Báý			
70	162330879	Hoàng Thị Bích	Thương	B16QTH1	0		0		0			V	0.0	Khăng			
71	162330884	Phạm Nguyên	Tịnh	B16QTH1	2		7		0			4.1	3.2	Ba pháỷ Hai			
72	162330888	Ngô Thị Kiều	Trang	B16QTH1	8		7		9			6	7.1	Báý pháỷ Mẫi			
73	162330897	Nguyễn Minh	Trí	B16QTH1	7		8.5		8			7.2	7.5	Báý pháỷ Nẫm			
74	162330898	Nguyễn Trọng	Trinh	B16QTH1	4		8		7			6.5	6.5	Sẫu pháỷ Nẫm			
75	162330902	Trương Ngọc	Trung	B16QTH1	1		0		0			HP	0.0	Khăng			
76	162330910	Hà Minh	Tuấn	B16QTH1	8		6.5		8			6.1	6.8	Sẫu pháỷ Tẫm			
77	162330911	Nguyễn Hồ Hoàng	Tuấn	B16QTH1	0		0		0			HP	0.0	Khăng			
78	162330914	Ngô Văn	Tùng	B16QTH1	8.5		7.5		9			4.7	6.4	Sẫu pháỷ Bẫu			
79	162330915	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	B16QTH1	1		7		6			4	4.5	Bẫu pháỷ Nẫm			
80	162330916	Lê Thị Cát	Tường	B16QTH1	8		8.5		9			6.6	7.5	Báý pháỷ Nẫm			
81	162330919	Nguyễn Thanh	Văn	B16QTH1	8		6.5		7.5			6.5	6.9	Sẫu pháỷ Chẽn			
82	162330923	Trần Thành	Văn	B16QTH1	5.5		8		7.5			6.3	6.7	Sẫu pháỷ Báý			
83	162330929	Đặng Quang	Võ	B16QTH1	5		7		9			6	6.8	Sẫu pháỷ Tẫm			

Ngày thi: 30/10/2011

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
84	162330930	Hoàng Nguyễn	Vũ	B16QTH1	7.5		0		6				5.9	5.5	Nằm pháp	Nằm	
85	162330933	Trương Đình	Vũ	B16QTH1	10		10		8				6.8	7.7	Báy pháp	Báy	
86	162330935	Lê Nguyễn Hà	Vy	B16QTH1	7		7		9				5.5	6.7	Sầu pháp	Báy	
87	162330940	Phạm Thị Ánh	Xinh	B16QTH1	10		9		7				5.6	6.7	Sầu pháp	Báy	
88	162330941	Bùi Thị Ánh	Xuân	B16QTH1	5		8		7.5				7.2	7.1	Báy pháp	Mắt	
89	162330942	Mai Thị Hoàng	Yến	B16QTH1	8.5		10		8				4.9	6.5	Sầu pháp	Nằm	
90	152327091	Nguyễn Thị	Phương	B16QTH2	2.5		4		5				7.1	5.8	Nằm pháp	Tằm	
91	162320245	Trần Thị Kim	Anh	B16QTH2	9		8		9				7	7.8	Báy pháp	Tằm	
92	162320249	Phạm Thị Lệ	Diễm	B16QTH2	7.8		6		9.5				7.7	8.0		Tằm	
93	162320292	Hoàng Ái	Linh	B16QTH2	8.5		7		8				7.5	7.7	Báy pháp	Báy	
94	162330653	Nguyễn Hữu	An	B16QTH2	9		6		8				5.8	6.7	Sầu pháp	Báy	
95	162330656	Nguyễn Thị Kim	Anh	B16QTH2	9.5		0		4				5.9	5.2	Nằm pháp	Hai	
96	162330665	Văn Công	Bình	B16QTH2	4.5		8		9				5.6	6.6	Sầu pháp	Sầu	
97	162330671	Đặng Thị Kim	Chung	B16QTH2	8.8		8		8				8.5	8.4	Tằm pháp	Bầu	
98	162330672	Đoàn Ngọc	Chung	B16QTH2	5		0		8				HP	0.0		Khăng	
99	162330675	Trần Quân	Cường	B16QTH2	9		7		8				7.3	7.6	Báy pháp	Sầu	
100	162330680	Nguyễn Thị	Diệu	B16QTH2	9		6		8.5				7.5	7.8	Báy pháp	Tằm	
101	162330682	Nguyễn Thị Thùy	Dung	B16QTH2	10		5		5				6.1	6.1	Sầu pháp	Mắt	
102	162330683	Trần Thị	Dung	B16QTH2	8.3		6		8				6.4	7.0		Báy	
103	162330686	Nguyễn Long	Duy	B16QTH2	7.8		6		7.5				6.2	6.7	Sầu pháp	Báy	
104	162330687	Phan Tiến	Duy	B16QTH2	7.8		10		8.5				V	0.0		Khăng	
105	162330688	Mai Thị	Duyên	B16QTH2	7.8		4		9.5				5.8	6.7	Sầu pháp	Báy	
106	162330694	Võ Thành	Đạt	B16QTH2	6.3		7		8				7	7.2	Báy pháp	Hai	
107	162330695	Lê Văn	Đô	B16QTH2	7		5		5				8.1	6.9	Sầu pháp	Chên	
108	162330697	Hoàng Minh	Đức	B16QTH2	7.3		3		7.5				6.3	6.4	Sầu pháp	Bầu	
109	162330698	Nguyễn Quang	Đức	B16QTH2	0		0		0				V	0.0		Khăng	
110	162330700	Lê Thị Hồng	Gắm	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0		Khăng	
111	162330702	Nguyễn Thị Trà	Giang	B16QTH2	9.5		7		7.5				6.6	7.2	Báy pháp	Hai	
112	162330703	Nguyễn Hữu	Hà	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0		Khăng	
113	162330705	Trần Thu	Hà	B16QTH2	10		10		7.5				8.6	8.6	Tằm pháp	Sầu	
114	162330708	Nguyễn Thị Minh	Hải	B16QTH2	8.8		6		8				7.3	7.5	Báy pháp	Nằm	
115	162330709	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	B16QTH2	9		7		8.5				4.4	6.1	Sầu pháp	Mắt	
116	162330716	Dương Chí	Hiếu	B16QTH2	7.3		8		9				7.9	8.1	Tằm pháp	Mắt	
117	162330724	Nguyễn Văn	Hoài	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0		Khăng	
118	162330725	Phan Văn	Hoàn	B16QTH2	0		0		0				6.7	3.7	Ba pháp	Báy	
119	162330729	Nguyễn Trọng	Hoàng	B16QTH2	7.3		6		7.5				6.1	6.6	Sầu pháp	Sầu	
120	162330731	Trương Khánh	Hoàng	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0		Khăng	
121	162330733	Nguyễn Thị	Huệ	B16QTH2	4.5		6		8.5				6.7	6.9	Sầu pháp	Chên	
122	162330736	Nguyễn Thanh	Hùng	B16QTH2	7.8		7		9.5				6.6	7.5	Báy pháp	Nằm	
123	162330746	Nguyễn Trung	Khoa	B16QTH2	0		6		9				V	0.0		Khăng	
124	162330750	Phan Chí	Kiên	B16QTH2	8.5		7		8				6.7	7.2	Báy pháp	Hai	
125	162330753	Đào Ngọc Thu	Lan	B16QTH2	2.3		5		8				7.8	7.0		Báy	
126	162330754	Huỳnh Thị	Lâm	B16QTH2	10		8		9				7.8	8.3	Tằm pháp	Ba	

Ngày thi: 30/10/2011

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
127	162330766	Phạm Văn	Luận	B16QTH2	8.3		9		8			7.5	7.9	Báý pháý Chên			
128	162330778	Phạm Văn	Minh	B16QTH2	4		5		8			HP	0.0	Khăng			
129	162330780	Võ Thị Diệu	My	B16QTH2	5.8		8		8			6.3	6.8	Sầu pháý Tầm			
130	162330782	Ngô Pô	Na	B16QTH2	5.5		8		9			6.3	7.1	Báý pháý Mắú			
131	162330788	Hoàng Thị	Ngà	B16QTH2	5.3		8		9.5			7.7	7.9	Báý pháý Chên			
132	162330789	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngân	B16QTH2	9.5		7		7.5			6.6	7.2	Báý pháý Hai			
133	162330793	Huỳnh Văn	Ngọc	B16QTH2	0		0		0			HP	0.0	Khăng			
134	162330797	Trần Thị Như	Ngọc	B16QTH2	7.8		7		8.5			4.7	6.2	Sầu pháý Hai			
135	162330800	Trần Thị Thu	Nguyệt	B16QTH2	6.3		6		8			7.5	7.4	Báý pháý Bắú			
136	162330808	Trịnh Thị	Oanh	B16QTH2	8.8		7		8			6.4	7.1	Báý pháý Mắú			
137	162330809	Ngô Tấn Như	Phúc	B16QTH2	2.8		8		7.5			6	6.3	Sầu pháý Ba			
138	162330813	Hoàng Văn	Phương	B16QTH2	5.8		7		8			4.6	5.8	Nằm pháý Tầm			
139	162330819	Văn Hoàng	Phương	B16QTH2	10		7		5			7.1	6.9	Sầu pháý Chên			
140	162330824	Võ Trần Phương	Quân	B16QTH2	0		0		0			HP	0.0	Khăng			
141	162330826	Trương Ngọc	Quý	B16QTH2	5.8		0		2			6.1	4.4	Bắú pháý Bắú			
142	162330829	Phan Nhã	Quyên	B16QTH2	5.8		7		8			6.5	6.9	Sầu pháý Chên			
143	162330837	Nguyễn Văn	Sơn	B16QTH2	0		5		8			HP	0.0	Khăng			
144	162330840	Phan Thị Linh	Tâm	B16QTH2	8.8		6		8			7.1	7.4	Báý pháý Bắú			
145	162330844	Đỗ Ngọc Đan	Thanh	B16QTH2	8		6		9			5.6	6.7	Sầu pháý Báý			
146	162330845	Huỳnh Thanh	Thanh	B16QTH2	10		3		5			7.3	6.6	Sầu pháý Sầu			
147	162330856	Nguyễn Thị Phương	Thảo	B16QTH2	8.5		8		5			6.9	6.7	Sầu pháý Báý			
148	162330859	Trần Phương	Thảo	B16QTH2	9		10		8.5			6.2	7.4	Báý pháý Bắú			
149	162330860	Hồ Thị	Thắm	B16QTH2	10		6		9.5			5.4	6.9	Sầu pháý Chên			
150	162330866	Đàm Vĩnh Gia	Thịnh	B16QTH2	7		6		8			7.7	7.5	Báý pháý Nằm			
151	162330867	Lê Tiến	Thịnh	B16QTH2	8.3		8		8.5			6.6	7.4	Báý pháý Bắú			
152	162330868	Lương Quốc	Thịnh	B16QTH2	6		6		9.5			7.3	7.6	Báý pháý Sầu			
153	162330870	Hồ Văn	Thuận	B16QTH2	10		10		9			7.3	8.3	Tầm pháý Ba			
154	162330873	Hồ Thị	Thùy	B16QTH2	7.3		7		9			7.9	8.0	Tầm			
155	162330874	Bùi Thị Thanh	Thủy	B16QTH2	7.3		9		9			6.2	7.3	Báý pháý Ba			
156	162330875	Nguyễn Thị	Thủy	B16QTH2	7.3		7		9			8.1	8.1	Tầm pháý Mắú			
157	162330877	Bùi Thị	Thúy	B16QTH2	9		10		8.5			6.1	7.4	Báý pháý Bắú			
158	162330878	Nguyễn Thị Thu	Thúy	B16QTH2	4		5		8			5.6	6.0	Sầu			
159	162330886	Đỗ Thị Minh	Trang	B16QTH2	10		10		9			6.1	7.6	Báý pháý Sầu			
160	162330894	Vũ Thị	Trang	B16QTH2	10		8		9.5			6.8	7.9	Báý pháý Chên			
161	162330895	Lê Thị Nữ	Trâm	B16QTH2	8.3		7		8			6.1	6.9	Sầu pháý Chên			
162	162330903	Võ Minh	Trung	B16QTH2	8.5		7		8			6.4	7.1	Báý pháý Mắú			
163	162330908	Nguyễn Hữu	Tuân	B16QTH2	8.5		6		8			4.8	6.1	Sầu pháý Mắú			
164	162330909	Bùi Duy	Tuấn	B16QTH2	4.5		6		2			5.7	4.7	Bắú pháý Báý			
165	162330920	Đậu Thị Tú	Vân	B16QTH2	10		9.5		9			6.7	7.9	Báý pháý Chên			
166	162330922	Nguyễn Thị Thanh	Vân	B16QTH2	7.3		6		8			5.6	6.4	Sầu pháý Bắú			
167	162330925	Nguyễn Thế Hoàng	Việt	B16QTH2	0		0		0			HP	0.0	Khăng			
168	162330932	Lê Ngọc	Vũ	B16QTH2	5.8		5		2			7.4	5.7	Nằm pháý Báý			
169	162330936	Nguyễn Thị Bích	Vy	B16QTH2	6.8		6		8			6.5	6.9	Sầu pháý Chên			

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B16QTH_TRỪ KINH TẾ												
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN: TIẾP THỊ CĂN BẢN				ĐỢT HỌC				4				
				MÃ HỌC PHẦN : MKT - 251				TÍN CHỈ				3				
Ngày thi: 30/10/2011								LẦN THI				1				
ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10		10		25				55	100		
170	162330938	Đoàn Ngọc Hoàng	Vỹ	B16QTH2	10		7		9.5				7.6	8.3	Tầm pháp Ba	
171	162330944	Nguyễn Thị Bảo	Yến	B16QTH2	6		7		8.5				6.2	6.8	Sầu pháp Tầm	
172	162410950	Phương Lang	Chi	B16QTH2	10		7		8				7.3	7.7	Báy pháp Báy	
173	162520606	Phạm Quang	Thái	B16QTH2	3.5		6		9				6.9	7.0	Báy	
1	142337449	Lê Thị Bảo	Ngọc	B14QTH1	4.5		5		8				6.9	6.7	Sầu pháp Báy	
2	142337413	Ngô Thị Thùy	Linh	B14QTH1	6		8		8				7.8	7.7	Báy pháp Báy	
3	152327054	Nguyễn Thị	Hương	B15KDN	0		0		0				V	0.0	Khăng	
4	152327064	Phan Thị Hoàng	Lê	B15KDN	0		0		0				V	0.0	Khăng	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	150	85%	
2	Số sinh viên nợ	27	15%	
TỔNG CỘNG :		177	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 11 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Phạm Hồng Phương

TS. Hồ Văn Nhân

ThS. Nguyễn Hữu Phú